|  |  |
| --- | --- |
| **UỶ BAN NHÂN DÂN****XÃ SƠN DƯƠNG**Số: 113/BC-UBND | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***Sơn Dương, ngày 07 tháng 9 năm 2022* |

**BÁO CÁO**

**Tổng kết 10 năm thực hiện Luật An toàn thực phẩm (từ năm 2011-2021)**

Thực hiện công văn số 6794/BCĐLNATTP ngày 31/8/2022 của Ban chỉ đạo liên ngành ATTP thành phố Hạ Long về việc báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Luật an toàn thực phẩm.

 UBND xã Sơn Dương báo cáo kết quả thực hiện như sau:

**I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH**

Sơn Dư­­ơng là một xã miền núi, có diện tích tự nhiên 7.140,38 ha, gồm có 12 thôn, dân c­ư sống không tập chung, tổng số hộ là 1.506 hộ, số nhân khẩu là 5.840 người.Gåm 7 d©n téc anh em cïng sinh sèng, d©n téc thiÓu sè chiÕm trªn 50% d©n sè, tr×nh ®é d©n trÝ kh«ng ®ång ®Òu. VÒ c¬ cÊu kinh tÕ ë ®Þa phương chñ yÕu lµ s¶n xuÊt n«ng nghiÖp, l©m nghiÖp; kinh doanh vµ dÞch vô. §êi sèng cña nh©n d©n ®· cã bước ph¸t triÓn kh¸ tèt, nh©n d©n ®· m¹nh d¹n đưa c¸c lo¹i c©y, con gièng cã n¨ng suÊt, chÊt lượng vµo s¶n xuÊt, träng t©m lµ phát triển kinh tế vườn, rừng... c©y hµng ho¸, c¸c m« h×nh kinh tÕ trang tr¹i, gia tr¹i, m« h×nh trång c©y ¨n qu¶ như­ thanh long ruét ®á, æi ®µi loan, bưởi da xanh vàcác giống mít, chè hoa vàng… ®em l¹i thu nhËp kinh tÕ cao.

Trong những năm gân đây xã Sơn Dương có sự tăng trưởng cao về kinh tế, đời sổng người dân được nâng lên, diện mạo địa phương ngày càng khang trang, hiện đại hơn, an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội được giừ vững...Trong điều kiện còn nhiều khó khăn và thách thức như thời tiết, dịch bệnh, công tác quản lý Nhà nước về an ninh trật tự, phong tục tập quán, tín ngưỡng; Đảng bộ, chính quyền và nhân dân xã đoàn kết, nỗ lực phấn đấu, vận dụng sáng tạo các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước tập trung chỉ đạo, điều hành trên các lĩnh vực: phát triên kinh tế, xã hội, thực hiện tốt công tác đảm bảo an toàn thực phẩm, không có vụ việc phức tạp xảy ra.

 **II.VIỆC TRIỂN KHAI, TỔ CHỨC THỰC HIỆN LUẬT ATTP TỪ NĂM 2011 ĐẾN NĂM 2021**

1. **Xây dựng triển khai**

- Ủy ban nhân dân xã luôn bám sát các chương trình, kế hoạch của cấp trên liên quan đến thực hiện luật an toàn thực phẩm, đã xây dựng và ban hành các văn bản triển khai công tác công tác an toàn thực phẩm như sau:

 - Kế hoạch số 04/KH-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2020 của Ủy ban nhân dân xã Sơn Dương về Công tác bảo đảm ATTP năm 2020.

 - Kế hoạch số 38/KH-UBND ngày 16 tháng 4 năm 2020 của Ủy ban nhân dân xã Sơn Dương về việc Triển khai “Tháng hành động vì ATTP năm 2020.

 - Quyết định số 80/QĐ-UBND ngày 23/04/2020 của Ủy ban nhân dân xã Sơn Dương về việc thành lập tổ liên ngành kiểm tra tháng hành động vệ sinh ATTP năm 2020.

 - Kế hoạch số 03/KH-UBND ngày 13/01/2021 của Ủy ban nhân dân xã Sơn Dương về việc kiểm tra ATTP dịp tết Nguyên đán 2021.

 - Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 12/01/2021 của Ủy ban nhân dân xã Sơn Dương về việc thành lập tổ liên ngành kiểm tra VSATTP tết nguyên đán năm 2021.

 - Kế hoạch số 40/KH-UBND ngày 05 tháng 4 năm 2021 của Ủy ban nhân dân xã Sơn Dương về việc Triển khai “Tháng hành động vì ATTP năm 2021.

 - Quyết định số 36/QĐ-UBND ngày 08/02/2021 của UBND xã về việc kiện toàn ban chie đạo liên ngành vệ sinh ATTP.

 - Kế hoạch số 35/KH-UBND ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân xã Sơn Dương về việc hành động đảm bảo an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông lâm năm 2021 trên địa bàn xã.

 - Quyết định số 17/QĐ-UBND ngày 07/01/2022 của Ủy ban nhân dân xã Sơn Dương về việc thành lập tổ kiểm tra VSATTP tết nguyên đán 2022.

 - Kế hoạch số 02/KH-UBND ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Ủy ban nhân dân xã Sơn Dương về kiểm tra VSATTP tết nguyên đán năm 2022 trên địa bàn xã.

 - Kế hoạch số 24/KH-UBND ngày 23 tháng 02 năm 2022 của Ủy ban nhân dân xã Sơn Dương về công tác bảo đảm ATTP năm 2022 trên địa bàn xã.

 - Kế hoạch số 60/KH-UBND ngày 11 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân xã Sơn Dương về việc Triển khai “Tháng hành động vì ATTP năm 2022.

- Quyết định số 270/QĐ-UBND ngày 12/04/2022 của Ủy ban nhân dân xã Sơn Dương về việc thành lập tổ liên ngành kiểm tra tháng hành động vệ sinh ATTP năm 2022.

 - Kế hoạch số 74/KH-UBND ngày 09 tháng 05 năm 2022 của Ủy ban nhân dân xã Sơn Dương về đảm bảo ATTP trong lĩnh vực Nông nghiệp và công thương năm 2022 trên địa bàn xã.

 - Kế hoạch số 80/KH-BCĐ ngày 05 tháng 09 năm 2022 của BCĐ an toàn thực phẩmxã Sơn Dương về đảm bảo ATTP trong dịp tết Trung thu.

 - Quyết định số 445/QĐ-UBND ngày 05/9/2022 của Ủy ban nhân dân xã Sơn Dương về việc thành lập tổ liên ngành kiểm tra ATTP tẾT Trung thu năm 2022.

 **2.Công tác chỉ đạo điều hành**

 Cấp uỷ, chính quyền xã luôn xác định vệ sinh an toàn thực phẩmlà nhiệm vụ quan trọng trong nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của xã. Xã đã bám sát chương trình, kế hoạch, thực hiện nghiêm túc sự chỉ đạo của Thành phố, công tác đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm đã được cấp uỷ và chính quyền xã quan tâm chỉ đạo và triển khai thực hiện một cách toàn diện trên tất cả các nội dung. Quán triệt, thực hiện tốt các chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về công tác an toàn thực phẩm, bám sát sự chỉ đạo của UBND Thành phố, sự lãnh đạo của Đảng ủy, HĐND xã. Chỉ đạo thực hiện nghiêm túc, nâng cao đạo đức ý thức trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức, nhân dân.

 **3. Kết quả kiểm tra thực hiện**

- Kết quả kiểm tra, giám sát công tác đảm bảo ATTP trên địa bàn phường số lượt cơ sở được kiểm tra, giám sát là 231 cơ sở (cụ thể năm 2011: 10 cơ sở; năm 2012: 12 cơ sở; năm 2013: 14 cơ sở; năm 2014: 25 cơ sở; năm 2015: 25 cơ sở; năm 2016 là 24 cơ sở; năm 2017: 28 cơ sở; năm 2018: 27 cơ sở; năm 2019: 19 cơ sở; năm 2020: 23 cơ sở; năm 2021: 17 cơ sở

- Tham gia kiểm tra, giám sát 97 cơ sở kinh doanh thức ăn đường phố, đạt 100%.

- Định kỳ kiểm tra, giám sát các cơ sở kinh doanh thực phẩm, dịch vụ ăn uống, thức ăn đường phố.

- Tổng hợp báo cáo sau mỗi đợt kiểm tra, giám sát.

- Thực hiện kiểm nghiệm thực phẩm bằng test thử nhanh.

- Giám sát lấy mẫu thực phẩm, dụng cụ chứa đựng để xét nghiệm nhanh tại một số cơ sở kinh doanh, chế biến thực phẩm, dịch vụ ăn uống trên địa bàn xã. Kết quả xét nghiệm bằng test nhanh từ năm 2011 đến năm 2021 tổng số mẫu là 610 mẫu trong đó có 58 mẫu không đạt yêu cầu (các mẫu không đạt yêu cầu chủ yếu là mẫu bát, đĩa).

Tình hình ngộ độc thực phẩm trên địa bàn xã Sơn Dương từ năm 2011 đến năm 2021 không có vụ ngộ độc thực phẩm nào xảy ra.

Từ năm 2011 đến năm 2021 đã tuyên truyền 610 lượt với 28 bài viết (Phụ lục 4).

- Tổ chức nói chuyện trực tiếp tại buổi họp thôn, câu lạc bộ, họp phụ nữ, đoàn thanh niên được: 105 buổi với 2684 người tham dự (Phụ lục 4).

- Cấp phát 374 tờ rơi, 16 băng đĩa tuyên truyền.

- Treo 07 băng rôn, khẩu hiệu, tranh, áp phích.

- BCĐ VSATTP xã quản lý các cơ sở có hoạt động thông tin quảng cáo, phát hiện xử lý các cơ sở vi phạm và báo cáo lên cấp trên.

- Thường xuyên phối hợp với đoàn kiểm tra liên ngành về công tác ATTP.

- Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP.

- Hướng dẫn các cơ sở kinh doanh thực phẩm đến các cơ quan có thẩm quyền thẩm định cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP

- Tổ chức triển khai cho các cơ sở chế biến, kinh doanh thực phẩm, dịch vụ ăn uống, thức ăn đường phố ký cam kết đảm bảo ATVSTP theo quy định (Năm 2011: 5 cơ sở; Năm 2012: 5 cơ sở; năm 2013: 1790 cơ sở; năm 2014: 6 cơ sở; 2015: 8 cơ sở; năm 2016: 9 cơ sở);

 - Tham gia phối hợp kiểm tra thực phẩm chức năng và thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng.

- Tham gia phối hợp kiểm tra liên ngành các cơ sở rượu, bia, nước giải khát và sữa chế biến.

Thành lập đoàn kiểm tra liên ngành nhằm kiểm soát các nguy cơ gây ô nhiễm thực phẩm, ngộ độc thực phẩm, bệnh truyền qua thực phẩm.

**4. Tổ chức, kiện toàn hệ thống cơ quan quản lý ATTP**

**4.1 Tổ chức kiện toàn hệ thống cơ quan chuyên môn quản lý ATTP ở địa phương**

- Hiện nay trên địa bàn xã cử 01 cán bộ công chức Văn hóa- Xã hội và 01 nhân viên trạm Y tế xã, phụ trách lĩnh vực ATTP, chưa có cán bộ chuyên trách trong lĩnh vực ATTP.

**4.2 Điều kiện bảo đảm cho công tác quản lý nhà nước về ATTP ở địa phương**

- 100% cán bộ phụ trách về an toàn thực phẩm được tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ, cập nhật kiến thức về ATTP hàng năm.

- Sử dụng test thử nhanh ATTP để phục vụ công tác kiểm tra, giám sát phòng chống ngộ độc thực phẩm.

**5. Việc kiểm soát các nguy cơ gây mất an toàn thực phẩm**

 Phân tích nguy cơ và đánh giá nguy cơ đối với ATTP:

- Định kỳ kiểm tra, giám sát các cơ sở kinh doanh thực phẩm, dịch vụ ăn uống, thức ăn đường phố.

- Tổng hợp báo cáo sau mỗi đợt kiểm tra, giám sát.

**5. Kiểm nghiệm thực phẩm**

- Thực hiện kiểm nghiệm thực phẩm bằng test thử nhanh.

- Giám sát lấy mẫu thực phẩm, dụng cụ chứa đựng để xét nghiệm nhanh tại một số cơ sở kinh doanh, chế biến thực phẩm, dịch vụ ăn uống trên địa bàn xã. Kết quả xét nghiệm bằng test nhanh từ năm 2011 đến năm 2021 tổng số mẫu là 150 mẫu trong đó các mẫu rượu, rau củ quả không phát hiện thực phẩm nhiễm độc.

**6. Tình hình ngộ độc thực phẩm, các bệnh truyền qua thực phẩm, việc khắc phục các sự cố về ATTP**

Tình hình ngộ độc thực phẩm trên địa bàn xã xảy ra từ năm 2011 đến năm 2022 trên địa bàn xã không có vụ ngộ độc thực phẩm nào xảy ra.

**7. Công tác thông tin, giáo dục truyền thông, phổ biến chính sách pháp luật về ATTP**

- Công tác giáo dục, tuyên truyền được đẩy mạnh. Tập trung phổ biến sâu rộng các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm, các mối nguy NĐTP, các gương điển hình về an toàn thực phẩm, công khai các sai phạm trên thông tin đại chúng.

Từ năm 2011 đến năm 2022 đã tuyên truyền 581 lượt với 58 bài viết.

- Treo 48 băng rôn, khẩu hiệu, tranh, áp phích tuyên truyền về ATTP.

**8. Quản lý hoạt động thông tin, quản cáo thực phẩm**

- Trạm y tế xã quản lý các cơ sở có hoạt động thông tin quảng cáo, phát hiện xử lý các cơ sở vi phạm và báo cáo lên cấp trên.

- Thường xuyên phối hợp với đoàn kiểm tra liên ngành về công tác ATTP.

**9. Quản lý ATTP trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm**

 Việc quản lý ATTP đối với các cơ sở không thuộc diện không phải cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP tại xã.

- Trạm y tế các xã tham mưu cho UBND xã tổ chức triển khai cho các cơ sở chế biến, kinh doanh thực phẩm, dịch vụ ăn uống, thức ăn đường phố ký cam kết đảm bảo ATVSTP theo quy định.

- Tổ chức triển khai cho các cơ sở chế biến, kinh doanh thực phẩm, dịch vụ ăn uống, thức ăn đường phố ký cam kết đảm bảo ATVSTP theo quy (Năm 2011: 5 cơ sở; Năm 2012: 5 cơ sở; năm 2013: 1790 cơ sở; năm 2014: 6 cơ sở; 2015: 8 cơ sở; năm 2016: 9 cơ sở);

**9.3 Tham gia phối hợp với các ban ngành khác trong công tác kiểm tra, quản lý ATTP**

- Tham gia phối hợp kiểm tra thực phẩm chức năng và thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng.

- Tham gia phối hợp kiểm tra liên ngành các cơ sở rượu, bia, nước giải khát và sữa chế biến.

 - Hàng năm UBND xã xây dựng kế hoạch, thành lập đoàn kiểm tra liên nhành nhằm kiểm soát các nguy cơ gây ô nhiễm thực phẩm, ngộ độc thực phẩm, bệnh truyền qua thực phẩm.

**III. ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ ATTP GIAI ĐOẠN 2011-2021 TRÊN ĐỊA BÀN**

**1. Những kết quả đạt được**

- Thông qua công tác tuyên truyền, ý thức của người sản xuất chế biến, kinh doanh thực phẩm được nâng lên có nhiều chuyển biến góp phần chấn chỉnh việc chấp hành các quy định của pháp luật về ATTP.

 - Việc tăng cường lấy mẫu kiểm nghiệm đối với các cơ sở thực phẩm đã từng bước góp phần khắc phục tình trạng sử dụng hóa chất độc hại trong sản xuất chế biến kinh doanh thực phẩm.

 - Việc tuyên truyền trên hệ thống thông tin đại chúng đã nâng cao ý thức của người tiêu dùng trong việc lựa chọn thực phẩm an toàn cùng được nâng cao.

 **2. Thuận lợi**

**-** Được sự quan tâm chỉ đạo sát sao của ban chỉ đạo LNATTP các cấp, sự phối kết hợp của chính quyền, ban ngành, đảng bộ các cấp.

- Tại Trạm y tế có cán bộ chuyên môn phụ trách ATTP, cán bộ được cập nhật kiến thức ATTP hàng năm.

- Được sự chỉ đạo sát sao về chuyên môn của Chi cục ATTP tỉnh Quảng Ninh.

 **3. Khó khăn và kiến nghị**

 **3.1 Khó khăn**

- Sau covid các cơ sở kinh doanh vẫn còn chưa ổn định, thay đổi mô hình kinh doanh và chuyển nhượng cơ sở liên tục. Dẫn đến việc quản lý, giám sát còn khó khăn.

 - Các cơ sở kinh doanh thức ăn đường phố khó kiểm soát do loại hình đa dạng, cơ động tạm thời, mùa vụ, không có địa điểm, địa chỉ ổn định, giờ bán hàng không cố định, nhiều cơ sở bán hàng ngoài giờ hành chính.

 - Các cơ sở thức ăn đường phố còn thiếu hạ tầng cơ sở và các dịch vụ vệ sinh môi trường (cung cấp nước sạch; xử lý rác, chất thải; các công trình vệ sinh; thiết bị bảo quản thực phẩm như tủ lạnh, thiết bị bảo quản).

 - Một bộ phận người kinh doanh chưa được tiếp cận các kiến thức về ATTP dẫn đến việc chấp hành chính sách pháp luật chưa triệt để.

- Công tác tham mưu xử phạt vi phạm hành chính của trạm y tế cho ủy ban nhân dân còn nhiều hạn chế.

- Thực phẩm cung cấp cho địa phương chủ yếu là các nơi khác đưa vào gây khó khăn trong kiểm soát nguồn thực phẩm nhập vào.

- Thiếu kinh phí hoạt động.

 **3.2 Kiến nghị**

- Nâng cao năng lực thanh tra, kiển tra cho y tế cơ sở.

- Cần phối hợp liên ngành, trong công tác đảm bảo ATTP.

- Duy trì đoàn kiểm tra liên ngành do UBND xã chủ trì kiểm tra.

- Cần có quy chế phối hợp cụ thể giữa các ban ngành trong công tác kiểm tra giám sát ATTP.

- Hỗ trợ kinh phí hoạt động cho công tác ATTP.

Trên đây là báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Luật An toàn thực phẩm trên địa bàn xã Sơn Dương./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*****-** UBND Thành phố (b/c);- Phòng y tế thành phố (b/c);- Đảng ủy-HĐND xã (b/c);- Lưu: VP. | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN****KT. CHỦ TỊCH****PHÓ CHỦ TỊCH****Vương Thanh Sơn** |

**Phụ lục 3**

**HỆ THỐNG PHÒNG KIỂM NGHIỆM THỰC PHẨM**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Năm** | **Tổng số** | **Số phòng KN đạt** **ISO 17025** | **Số phòng KN được chỉ định phục vụ QLNN** | **Số phòng KN xã hội hóa được chỉ định phục vụ QLNN** |
| 1 | 2011 | **0** |  |  |  |
| 2 | 2012 | **0** |  |  |  |
| 3 | 2013 | **0** |  |  |  |
| 4 | 2014 | **0** |  |  |  |
| 5 | 2015 | **0** |  |  |  |
| 6 | 2016 | **0** |  |  |  |
| 7 | 2017 | **0** |  |  |  |
| 8 | 2018 | **0** |  |  |  |
| 9 | 2019 | **0** |  |  |  |
| 10 | 2020 | **0** |  |  |  |
| 11 | 2021 | **0** |  |  |  |

 **Ghi chú:** Hiện tại Trạm y tế xã Sơn Dương chỉ xét nghiệm bằng test thử nhanh thực phẩm và dụng cụ chứa đựng bát đĩa.

**Phụ lục 4**

**CÔNG TÁC THÔNG TIN, GIÁO DỤC TRUYỀN THÔNG VỀ ATTP**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **NĂM** | **TẬP HUẤN** | **PHÁT THANH** | **NÓI CHUYỆN** | **Bài viết** | **ĐỘI TUYÊN TRUYỀN CƠ ĐỘNG** | **POSTER, ÁP PHÍCH** | **BĂNG RÔN, KHẨU HIỆU** | **TỜ RƠI/TỜ GẤP** | **THÔNG ĐIỆP** | **TÀI LIỆU KHÁC** |
| **1** | **2011** | 0 | 40 | 10 buổi (320 người) | 02 |  |  | 01 | 46 |  | 1 (Đĩa CVD&C) |
| **2** | **2012** | 0 | 46 | 12 buổi (350người) | 03 |  |  | 01 | 36 |  | 1 (Đĩa CVD&C |
| **3** | **2013** | 0 | 52 | 12 buổi (265người) | 02 |  |  | 01 | 30 |  | 2 (Đĩa CVD&C |
| **4** | **2014** | 0 | 60 | 6 buổi (189ngườ) | 02 |  |  | 01 | 50 |  | 4 (Đĩa CVD&C |
| **5** | **2015** | 0 | 56 | 13buổi (400người) | 03 |  |  | 01 | 53 |  | 2 (Đĩa CVD&C |
| **6** | **2016** | 0 | 68 | 12 buổi (320 người) | 02 |  |  | 01 | 53 |  | 3 (Đĩa CVD&C |
| **7** | **2017** | 0 | 52 | 8 buổi (270 người) | 03 |  |  |  | 53 |  | 1 (Đĩa CVD&C |
| **8** | **2018** | 0 | 50 | 7 buổi (245 người) | 02 |  |  | 01 |  |  | 1 (Đĩa CVD&C |
| **9** | **2019** | 0 | 54 | 12 buổi (380 người) | 03 |  |  |  |  |  | 1 (Đĩa CVD&C |
| **10** | **2020** | 0 | 62 | 8 buổi (210 người) | 03 |  |  |  |  |  |  |
| **11** | **2021** | 0 | 70 | 5 buổi (135 người) | 03 |  |  |  |  |  |  |
| **TỔNG** | **0** | **610** | **105(2684 người)** | **28** |  |  | **07** | **374** |  | **16**(Đĩa CVD&CD) |

**Phụ lục 6**

**THỐNG KÊ VỀ NGỘ ĐỘC THỰC PHẨM**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Năm** | **Số vụ NĐTP** | **Số ca mắc** | **Số ca tử vong** | **Số vụ ≥ 30 ca mắc** | **Tỉ lệ ca NĐTP/100.000 dân** |
| 1 | 2011 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 2 | 2012 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 3 | 2013 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 4 | 2014 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 5 | 2015 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 6 | 2016 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 7 | 2017 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 8 | 2018 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 9 | 2019 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 10 | 2020 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 11 | 2021 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
|  | **Tổng** | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |

**Phụ lục 8**

**NHÂN LỰC LÀM CÔNG TÁC QUẢN LÝ AN TOÀN THỰC PHẨM**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Năm** | **Cấp** **Trung ương** | **Cấp** **tỉnh** | **Cấp** **huyện** | **Cấp** **xã** |
| 1 | 2011 |  |  |  | 01 |
| 2 | 2012 |  |  |  | 01 |
| 3 | 2013 |  |  |  | 0 |
| 4 | 2014 |  |  |  | 01 |
| 5 | 2015 |  |  |  | 01 |
| 6 | 2016 |  |  |  | 01 |
| 7 | 2017 |  |  |  | 01 |
| 8 | 2018 |  |  |  | 01 |
| 9 | 2019 |  |  |  | 01 |
| 10 | 2020 |  |  |  | 01 |
| 11 | 2021 |  |  |  | 01 |

**Phụ lục 9**

**KINH PHÍ ĐẦU TƯ CHO CÔNG TÁC QUẢN LÝ AN TOÀN THỰC PHẨM**

*(Đơn vị: Triệu đồng)*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **S****TT** | **Năm** | **Nguồn kinh phí****Trung ương** | **Nguồn kinh phí****địa phương** | **Nguồn kinh phí khác**(địa phương) | **Tổng kinh phí** |
| Chi thường xuyên | Chương trình mục tiêuquốc gia | Chi thường xuyên | Chương trình mục tiêuquốc gia |  |  |
| Thanh tra, kiểm tra | Đầu tư cơ sở vật chất | Triệu đồng |  | Thanh tra, kiểm tra | Đầu tư cơ sở vật chất | Triệu đồng |  |  |  |
| 1 | 2011 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | 2012 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 | 2013 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 4 | 2014 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 5 | 2015 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 6 | 2016 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 7 | 2017 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 8 | 2018 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 9 | 2019 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 10 | 2020 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 11 | 2021 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng** |  |  | **0** |  |  |  | **0** |  | **0** | **0** |